

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt Quy hoạch chung xây dựng xã Yên Thịnh,
huyện Yên Định đến năm 2030.**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN ĐỊNH

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 22/11/2019.

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18/06/2014; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng ngày 17/6/2020; Luật số 35/2018/QH14 ngày 20/11/2018 sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 Luật có liên quan đến Quy hoạch.

Căn cứ Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 của Chính phủ về việc Quy định chi tiết một số nội dung về Quy hoạch xây dựng; Nghị định 72/2019/NĐ-CP ngày 30/8/2019 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị và Nghị định 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 về quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;

Căn cứ các Thông tư hướng dẫn của Bộ Xây dựng: Số 02/2017/TT-BXD ngày 01/3/2017 hướng dẫn về quy hoạch xây dựng nông thôn; Số 01/2021/TT-BXD ngày 19/5/2021 ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 3375/QĐ-UBND ngày 30/8/2021 của UBND tỉnh Thanh Hóa về việc phê duyệt quy hoạch sử dụng đất thời kỳ 2021-2030 và kế hoạch sử dụng đất năm 2021 huyện Yên Định;

Căn cứ Quyết định số 3839/QĐ-UBND ngày 30/12/2021 của Chủ tịch UBND huyện Yên Định về việc phê duyệt nhiệm vụ và dự toán lập quy hoạch chung xây dựng xã Yên Thịnh, huyện Yên Định đến năm 2030.

Căn cứ Công văn số 3107/SGTVT-KHTC ngày 16/6/2022 của Sở Giao thông vận tải Thanh Hóa về việc tham gia ý kiến về các đề án Quy hoạch chung xây dựng các xã: Định Tăng, Yên Hùng, Yên Lạc, Yên Ninh, Yên Thịnh, huyện Yên Định đến năm 2030;

Căn cứ Công văn số 2275/SNN&PTNT-KHTC ngày 13/6/2022 của Sở NN và PTNT Thanh Hóa về việc tham gia ý kiến nội dung đề án Quy hoạch chung xây dựng xã Định Tăng, Yên Hùng, Yên Lạc, Yên Ninh, Yên Thịnh, huyện Yên Định đến năm 2030;

Căn cứ Công văn số 5929/SXD-QH ngày 15/8/2022 của Sở Xây dựng Thanh Hóa về việc ý kiến về hồ sơ đề án Quy hoạch chung xây dựng các xã: Định Tăng, Yên

Hùng, Yên Lạc, Yên Ninh, Yên Thịnh, huyện Yên Định đến năm 2030;

Xét đề nghị của phòng Kinh tế và Hạ tầng tại Báo cáo thẩm định số 469/TĐ-KTHT ngày 14/9/2022 về việc báo cáo kết quả thẩm định đồ án Quy hoạch chung xây dựng xã Yên Thịnh, huyện Yên Định đến năm 2030,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Quy hoạch chung xây dựng xã Yên Thịnh, huyện Yên Định đến năm 2030 với nội dung chính như sau:

1. Vị trí, phạm vi ranh giới, quy mô lập quy hoạch: Vị trí khu vực nghiên cứu gồm toàn bộ diện tích, địa giới hành chính xã Yên Thịnh, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa. Ranh giới tiếp giáp được xác định cụ thể như sau:

- Phía Nam giáp: Sông Cầu Chày, hữu ngạn là huyện Thọ Xuân.
- Phía Bắc giáp: Xã Yên Hùng.
- Phía Đông giáp: Xã Yên Lạc.
- Phía Tây giáp: Xã Yên Phú.

2. Quy mô lập quy hoạch:

- Diện tích khoảng 648ha.
- Quy mô dân số hiện trạng: Khoảng 6.191 người.

3. Mục tiêu quy hoạch, tính chất, chức năng của xã:

a) Mục tiêu.

- Cụ thể hóa được các mục tiêu yêu cầu tại Văn bản số 9211/SXD-QH, ngày 09/12/2021 của Sở xây dựng tỉnh Thanh Hoá và Quyết định số 3839/QĐ-UBND ngày 30/12/2021 của Chủ tịch UBND huyện Yên Định về việc phê duyệt nhiệm vụ và dự toán lập quy hoạch chung xây dựng xã Yên Thịnh, huyện Yên Định đến năm 2030.

- Căn cứ bối cảnh phát triển kinh tế, xã hội của huyện, tỉnh từ đó xác định vai trò, vị thế của địa phương trong quá trình phát triển kinh tế, xã hội. Xác định tính chất, chức năng, các chỉ tiêu kinh tế, kỹ thuật, định hình quy mô và định hướng phát triển của địa phương phù hợp theo định hướng của vùng, tỉnh theo các giai đoạn 2020 - 2025 và 2026 - 2030.

- Làm công cụ quản lý phát triển, kiểm soát không gian toàn xã, làm cơ sở để hướng dẫn quản lý trong việc lập các dự án quy hoạch, chương trình đầu tư và hoạch định các chính sách phát triển, quản lý và phát triển các khu dân cư nông thôn, các khu vực phát triển nông nghiệp, công nghiệp xây dựng, dịch vụ thương mại... và hệ thống các công trình chuyên ngành.

- Gắn kết chặt chẽ chương trình xây dựng nông thôn mới, các chương trình mục tiêu, các chương trình, dự án khác đang triển khai trên địa bàn với kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

- Tạo liên kết vùng, thúc đẩy phát triển kinh tế, nâng cao chất lượng sống, bảo vệ môi trường và phát triển bền vững.

- Phát triển hạ tầng giao thông phù hợp với Quy hoạch mạng lưới đường bộ thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 1454/QĐ-TTg ngày 01/8/2021; quy hoạch tổng thể phát triển giao thông vận tải tỉnh Thanh Hoá đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 được Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 3227/QĐUBND ngày 29/8/2017.

- Phấn đấu về đích NTM nâng cao vào năm 2023 và phấn đấu đạt xã nông thôn mới kiểu mẫu vào năm 2027.

b) Tính chất, chức năng.

- Trên cơ sở quy hoạch vùng huyện Yên Định được phê duyệt và các định hướng phát triển kinh tế - xã hội của địa phương. Tính chất, chức năng của xã được xác định như sau:

- Là khu vực phát triển nhanh, bền vững theo hướng đa ngành, lấy nông nghiệp sản xuất theo hướng hàng hóa, nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, nông nghiệp tập trung, chất lượng cao là định hướng phát triển ưu tiên.

- Là khu vực phát triển công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp, thương mại - dịch vụ, giáo dục, y tế,...

- Là địa bàn cung cấp nguồn lao động cho các khu, cụm công nghiệp trên địa bàn huyện.

4. Quy mô dân số, lao động:

a) Quy mô dân số.

- Dân số hiện trạng: 6.191 người.

- Dự báo đến năm 2025: 7.952 người.

- Dự báo đến năm 2030: 8.506 người.

b) Lao động và cơ cấu nghề nghiệp.

- Đến năm 2025: Khoảng 5.850 người (60% dân số), trong đó lao động trong ngành nông nghiệp chiếm khoảng 25%, lao động trong các ngành nghề khác khoảng 75%.

- Đến năm 2030: Khoảng 6.790 người (65% dân số), trong đó lao động trong ngành nông nghiệp chiếm khoảng 20%, lao động trong các ngành nghề khác chiếm khoảng 80%.

5. Các chỉ tiêu kinh tế - kỹ thuật chủ yếu: Thực hiện tuân thủ theo quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về quy hoạch xây dựng được ban hành kèm theo Thông tư số 01/2021/TT-BXD ngày 19/5/2021 của Bộ Xây dựng.

a) Các chỉ tiêu sử dụng đất.

- Điểm dân cư nông thôn:

- + Đất xây dựng công trình nhà ở: $\geq 25\text{m}^2/\text{người}$.
- + Đất xây dựng công trình, dịch vụ: $\geq 5\text{m}^2/\text{người}$.
- + Đất cho giao thông và hạ tầng kỹ thuật: $\geq 5\text{m}^2/\text{người}$.
- + Cây xanh công cộng: $\geq 2\text{m}^2/\text{người}$.
- Trụ sở cơ quan xã: $\geq 1.000\text{m}^2$.
- Đất xây dựng trường mầm non, quy mô 50 chỗ/1000 dân: $\geq 12\text{m}^2/\text{chỗ}$.
- Đất xây dựng trường tiểu học, quy mô 65 chỗ/1000 dân: $\geq 10\text{m}^2/\text{chỗ}$.
- Đất xây dựng trường trung học, quy mô 55 chỗ/1000 dân: $\geq 10\text{m}^2/\text{chỗ}$.
- Trạm y tế xã không có vườn thuốc: $\geq 500\text{m}^2/\text{trạm}$, (*Có vườn cây thuốc Nam*): $\geq 1000\text{m}^2/\text{trạm}$.
- Đất xây dựng nhà văn hóa xã: $\geq 1.000\text{m}^2$.
- Đất xây dựng sân thể thao xã: $\geq 1.200\text{m}^2$.
- Đất xây dựng sân thể thao thôn: $\geq 300\text{m}^2$.
- Đất xây dựng điểm phục vụ bưu chính viễn thông: $\geq 150\text{m}^2$.
- Đất xây dựng chợ: $\geq 1.500\text{m}^2/\text{chợ/xã}$.

b) Chỉ tiêu hạ tầng kỹ thuật.

- Chỉ tiêu vệ sinh môi trường $\geq 0,8$ kg.
- Chỉ tiêu cấp nước: ≥ 80 lít/người/ngày.
- Chỉ tiêu thoát nước bản ≥ 80 % lượng nước cấp.
- Chỉ tiêu cấp điện $\geq 150\text{W}/\text{người/ngày đêm}$.

6. Phân khu chức năng, định hướng tổ chức không gian xã:

a) Định hướng tổ chức khu trung tâm xã.

- Khu vực trung tâm xã là khu vực xoay quanh trụ sở UBND xã. Trong khu vực này bố trí các chức năng hiện có của xã gồm:

- Công sở xã: Giữ nguyên vị trí trung tâm hành chính – chính trị của xã như hiện nay (Ô đất có ký hiệu CQ, diện tích: 0.61 ha).

- Trung tâm Văn hóa – Thể thao:

+ Trung tâm Văn hóa: Bố trí quỹ đất đang được sử dụng để làm chức năng Sân vận động hiện nay để xây dựng khu trung tâm Văn hóa của xã với diện tích khoảng 1.100 m²

- Sân vận động xã:

+ Mở rộng quỹ đất về phía Đông (Ô đất có ký hiệu DTT-05, diện tích: 0,1.61ha).

- Y tế: Giữ nguyên vị trí trạm y tế như hiện nay, tập trung cải tạo khuôn viên

vườn hoa, vườn cây thuốc nam và bổ sung cơ sở vật chất đảm bảo nhu cầu khám chữa bệnh ban đầu cho nhân dân. (Ô đất có ký hiệu YT, diện tích: 0,15ha).

- Chợ Vàng:

+ Giữ nguyên vị trí và mở rộng quy mô so với hiện nay (Ô đất có ký hiệu CHO, diện tích: 0,31ha).

- Trụ sở công an: Hiện nay trụ sở công an xã đang làm việc trong khuôn viên công sở xã, không đáp ứng được nhu cầu làm việc của đơn vị. Vì vậy, trong kỳ quy hoạch này bố trí quỹ đất khoảng 0.1ha để xây dựng trụ sở Công an xã tại ô đất có ký hiệu CA;

- Ban Chỉ huy quân sự xã: Bố trí quỹ đất khoảng 0.05ha để xây dựng trụ sở Quân đội xã trong khuôn viên Công sở của xã;

- Các công trình về bưu điện và đài tưởng niệm được giữ nguyên theo hiện trạng do đã đáp ứng được yêu cầu về quy mô diện tích, cải tạo chỉnh trang và bổ sung cơ sở vật chất thiết yếu.

(Chi tiết bản đồ tổ chức không gian cảnh quan)

b) Định hướng tổ chức khu dân cư mới và cải tạo thôn xóm.

* Đối với khu vực ở hiện trạng cải tạo, chỉnh trang: Khu ở hiện hữu, trên địa bàn xã hiện nay có 05 thôn. Với các khu ở hiện trạng, tập trung cải tạo chỉnh trang các cụm dân cư hiện hữu, đặc biệt nâng cấp các tuyến đường giao thông chính trong thôn, huy động các nguồn lực để bổ sung đường điện chiếu sáng, cấp thoát nước và vệ sinh môi trường, cùng với sự bảo tồn, phát huy các giá trị văn hóa, cơ sở vật chất nhằm nâng cao đời sống vật chất, tinh thần cho nhân dân. Ban hành các quy định quản lý về trật tự xây dựng để các cá nhân, tổ chức trong các thôn thực hiện đầu tư xây dựng, đảm bảo mỹ quan của bộ mặt của các thôn, xóm.

* Đối với khu ở mới: Theo dự báo quy mô dân số, đến năm 2030 xã tăng thêm khoảng 2315 người, phần vì tăng dân số tự nhiên, phần vì tăng cơ học do lượng dân số quy đổi từ hoạt động sản xuất hình thành trong tương lai. Để đáp ứng nhu cầu kể trên, việc hình thành các điểm dân cư mới trên cơ sở tiếp cận hạ tầng kỹ thuật khu dân cư hiện hữu, tận dụng các quỹ đất nông nghiệp có địa hình bằng phẳng hoặc đồi thoải tại khu vực thuận tiện xây dựng. Với quy mô dân số phát sinh như trên, diện tích đất ở mới yêu cầu trong khoảng 20-23 ha. Xác định 05 điểm dân cư nông thôn có quy mô diện tích từ 0.93ha đến 5.6ha, tổng quy mô đất ở mới khoảng 12.3 ha.

(Chi tiết bản đồ tổ chức không gian cảnh quan)

c) Các công trình hạ tầng xã hội.

* Nhà văn hóa, khu thể thao thôn.

- Gồm các khu vực nhà văn hóa, khu thể thao thôn với tổng diện tích khoảng 7,45ha được bố trí trên địa bàn 5 thôn, yêu cầu về diện tích đảm bảo quy mô tối thiểu nhằm đạt tiêu chí NTM nâng cao.

- Dưới đây là quy mô các NVH, KTT định hướng.

(Chi tiết bản đồ tổ chức không gian cảnh quan)

d) Công trình giáo dục.

- Trong kỳ quy hoạch lần này, không mở rộng quy mô của Trường học các cấp trên địa bàn xã

- Trường mầm non, Trường Tiểu học Yên Thịnh, Trường THCS Yên Thịnh giữ nguyên vị trí và quy mô tại các ô đất có ký hiệu GD-01, diện tích 0,26 ha; GD-02, diện tích 0,89 ha; GD-03, diện tích 0,81 ha;

(Chi tiết bản đồ tổ chức không gian cảnh quan)

e) Khu vực phát triển CN-TTCN-làng nghề thủ công.

Định hướng đến năm 2030, bố trí 1 quỹ đất khoảng 18 ha tại thôn 2 và thôn 4 để tổ chức khu Công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp của xã (Ô đất có ký hiệu CN- TTCN 01, diện tích 6.74 ha và Ô đất có ký hiệu CN- TTCN 02, diện tích 10.72 ha) ngành nghề hoạt động dự kiến: Sản xuất cơ khí, Sản xuất VLXD, chế biến nông sản, hàng thủ công mỹ nghệ, ...

(Chi tiết bản đồ tổ chức không gian cảnh quan)

f) Các khu vực phát triển dịch vụ thương mại.

Nhằm khai thác tối đa hiệu quả lợi thế của tuyến đường 516C giao với tuyến đường đê sông Mậu Khê của xã, đồng thời tạo ra điểm nhấn cho khu vực lõi trung tâm xã. bố trí quỹ đất Quy mô khoảng 9.51ha: Gồm các loại hình: Dịch vụ vận tải, nhà hàng, khách sạn, và các cửa hàng kinh doanh thương mại, xây dựng các cửa hàng tiện ích thu hút nhu cầu rất lớn của các công nhân làm việc tại khu công nghiệp. (Ô đất có ký hiệu TMDV -01, diện tích: 1,4ha; TMDV -02, diện tích: 4.56 ha; TMDV -03, diện tích: 0.37 ha; TMDV -04, diện tích: 3.18 ha;)

(Chi tiết bản đồ tổ chức không gian cảnh quan)

g) Định hướng tổ chức các khu vực sản xuất nông nghiệp.

- Với quy mô đất sản xuất nông nghiệp hàng đầu huyện Yên Định cùng với hệ thống thổ nhưỡng khá thuận lợi, xã Yên Thịnh có hệ thống nông nghiệp khá đa dạng, từ các loại đất trồng cây lâu năm, cây hàng năm, đất trồng lúa, nuôi trồng thủy sản. Tuy nhiên việc tiếp nhận khoa học công nghệ còn khiêm tốn, sản xuất nông nghiệp theo hướng cơ giới hóa vẫn chưa đạt nhiều hiệu quả.

- Với mục tiêu cụ thể hóa các chủ trương, định hướng phát triển của xã, Quy hoạch vùng huyện Yên Định đến năm 2045. Khu vực phát triển nông nghiệp xã Yên Thịnh được phân bổ như sau:

+ Vùng trồng rau an toàn: Vùng được giới hạn bởi đường tỉnh 516B và Quốc lộ 47B về phía Bắc có quy mô khoảng 15ha, đây là vùng cung cấp nguồn nông sản sạch cho thị trấn Yên Định, khu Công nghiệp và các khu vực lân cận.

+ Vùng trồng cây hàng năm, cây lâu năm: Vùng bãi bồi được giới hạn bởi đường đê sông Cầu Chày và tuyến đường trục xã đi thôn 3 có quy mô khoảng 20ha, với đặc trưng của vùng đất giàu phù sa, vùng này khá thuận lợi cho việc trồng các loại cây ngắn ngày và cây ăn quả.

+ Vùng sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao: Vùng giới hạn bởi tuyến đường tỉnh lộ 506C về phía Tây Nam có quy mô khoảng 30ha, đây sẽ là vùng phát triển nông nghiệp ứng dụng khoa học công nghệ hàng đầu xã Yên Thịnh cũng như huyện Yên Định.

(Chi tiết bản đồ tổ chức không gian cảnh quan)

h) Quy hoạch sử dụng đất.

- Tổng diện tích đất tự nhiên toàn xã khoảng: 880,67ha.

- Trong đó:

+ Đất sản xuất nông nghiệp khoảng 589,3 ha.

+ Đất xây dựng xã khoảng 239,77 ha.

Bảng biểu tổng hợp sử dụng đất xã Yên Thịnh

STT	MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG ĐẤT	KÝ HIỆU	DIỆN TÍCH (ha)	TỶ LỆ (%)
	Tổng diện tích tự nhiên		648	100
A	ĐẤT XÂY DỰNG	DXD	250.47	27.23
1	Đất ở nông thôn	ONT	127.13	13.63
1.1	Đất ở mới	DCM	12.03	
-	Dân cư mới - 01	DCM-01	2.1	
-	Dân cư mới - 02	DCM-02	5.6	
-	Dân cư mới - 03	DCM-03	3.4	
-	Dân cư mới - 04	DCM-04	0.93	
1.2	Đất ở hiện trạng cải tạo	HTCT	115.1	
2	Đất công cộng	CC	15.06	1.3
2.1	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	CQ	0.77	
-	Công sở UBND xã	CQ-01	0.61	
-	Trụ sở CA	CA	0.1	
-	Đài tưởng niệm liệt sỹ	DTN	0.06	
2.2	Trạm y tế	YT	0.15	
2.3	Đất giáo dục	GD	1.96	
-	Trường Mầm non	GD-01	0.26	
-	Trường tiểu học Yên Thịnh	GD-02	0.89	
-	Trường THCS Yên Thịnh	GD-03	0.81	
2.4	Đất sinh hoạt cộng đồng	SHCĐ	7.68	
2.4.1	Nhà văn hóa	CC	4.66	

-	NVH thôn 1	CC-01;02	0.29	
-	NVH thôn 2	CC-03	0.16	
-	NVH thôn 3	CC-04;09	0.47	
-	NVH thôn 4	CC-05;06	0.2	
-	NVH thôn 5	CC-07;08	0.51	
2.4.2	Đất thể thao, cây xanh công cộng	DTT	4.64	
-	Sân thể thao thôn 1	DTT-01	0,69	
-	Sân thể thao thôn 2	DTT-02	0,53	
-	Sân thể thao thôn 3	DTT-03	0,45	
-	Sân thể thao thôn 4	DTT-04	0,74	
-	Sân thể thao thôn 5	DTT-05	0,62	
-	Sân vận động xã	DTT-08	1.61	
2.5	Đất điểm bưu điện – văn hóa xã	CC	0.02	
2.6	Chợ dân sinh	CHO	0.31	
2.7	Đất tôn giáo tín ngưỡng	TGTN	4.17	
-	Đất tôn giáo tín ngưỡng 1	TGTN-01	0.59	
-	Đất tôn giáo tín ngưỡng 2	TGTN-02	0.24	
-	Đất tôn giáo tín ngưỡng 3	TGTN-03	0.32	
-	Đất tôn giáo tín ngưỡng 4	TGTN-04	0.9	
-	Đất tôn giáo tín ngưỡng 5	TGTN-05	2.12	
3	Đất TTCN, SXKD	TTCN	17.46	0.42
-	Khu sản xuất kinh doanh 1	CN-TTCN 01	6.74	
-	Khu sản xuất kinh doanh 2	CN-TTCN 02	10.72	
4	Đất dịch vụ thương mại	TMDV	9.51	0.19
-	Đất dịch vụ thương mại 1	TMDV-01	1.4	
-	Đất dịch vụ thương mại 2	TMDV-02	4.56	
-	Đất dịch vụ thương mại 3	TMDV-03	0.37	
-	Đất dịch vụ thương mại 4	TMDV-04	3.18	
5	Đất hạ tầng kỹ thuật		72.74	11.68
5.1	Đất giao thông	GT	62.47	
5.2	Đất nghĩa trang, nghĩa địa	ND	9.57	
5.3	Đất công trình hạ tầng (gồm bãi tập kết CTR, đất năng lượng)	HTKT	0.7	
B	ĐẤT NÔNG NGHIỆP	DNN	368.58	66.91
1	Đất trồng lúa	DTL	271.79	
2	Vùng SXNN công nghệ cao	NNCNC	30	
3	Vùng trồng hoa, cây ăn quả	CAQ	20	
4	Vùng trồng rau an toàn	RAT	15	
5	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS	15.01	
6	Đất sản xuất nông nghiệp khác	NNK	5.13	
7	Đất rừng sản xuất	RSX	11.65	
C	ĐẤT KHÁC		28.95	5.86
1	Đất sông ngòi, kênh rạch, mặt nước CD	SON; MNC	14.48	
2	Núi đá không có rừng cây	NCS	1.51	

3	Đất bằng chưa sử dụng	BCS	12.96
---	-----------------------	-----	-------

(Chi tiết bản đồ quy hoạch sử dụng đất)

7. Quy hoạch mạng lưới công trình hạ tầng kỹ thuật:

a) Quy hoạch giao thông.

* Hệ thống giao thông xã Yên Thịnh được chia thành giao thông đối ngoại và giao thông đối nội.

- Giao thông đối ngoại: Gồm các tuyến Đường tỉnh, Đường huyện và các tuyến đường nội cụ thể:

- Tuyến Quốc lộ 47B: Được thiết kế là đường cấp III, đoạn qua xã dài hơn 2.2km, lộ giới TB 42m.

- Tuyến Tỉnh lộ 516B Được thiết kế là đường cấp IV, đoạn qua xã dài hơn 2.8km, lộ giới TB 42m

- Tuyến lộ 506C: Được thiết kế là đường cấp IV, đoạn qua xã dài 2,3km, lộ giới TB 42m.

- Tuyến Trục xã: Được thiết kế là đường cấp IV, đoạn qua xã dài 2.3km, lộ giới 29m.

* Giao thông đối nội: Nâng cấp, mở rộng các tuyến giao thông trục thôn, liên thôn, trục xóm, nội đồng trên cơ sở mạng lưới cũ đảm bảo các chỉ tiêu kỹ thuật theo tiêu chí chuẩn nông thôn mới, nông thôn mới nâng cao và tiêu chuẩn đường ô tô.

(Chi tiết bản đồ quy hoạch giao thông và định hướng san nền)

b) Quy hoạch cấp điện, chiếu sáng.

* Nguồn điện: Nguồn điện từ đường dây trung áp chạy trên Đường QL 47B được cấp nguồn từ TBA Thiệu Yên 2x63MVA (110-35-22-10KV) tại đô thị Kiều theo định hướng quy hoạch vùng huyện Yên Định.

* Mạng lưới cấp điện:

- Mạng lưới trung áp:

+ Cài tạo một số tuyến trung áp hiện hữu và Xây dựng mới tuyến trung áp kết nối từ các tuyến trung áp hiện hữu đến các khu vực phát triển mới với các cấp điện áp 35kv, 10kv.

+ Trạm biến áp phân phối: Các trạm biến áp hiện có được giữ nguyên vị trí, được tính toán và nâng công suất để đáp ứng nhu cầu thực tế. Các trạm biến áp phân phối quy hoạch mới khuyến khích sử dụng loại trạm mặt đất (trạm Kiosk, trạm phòng, trạm trụ). Xây dựng mới 03 trạm biến áp (TBA- 03 ; TBA – 05 ; TBA – 06) với quy mô công suất 250 ; 320 ; 180 KVA nhằm định hướng vị trí xây dựng trạm cho các khu vực quy hoạch mới.

* Mạng lưới hạ thế : Mạng lưới 0.4KV hiện tại được cải tạo và di chuyển theo các tuyến giao thông cấp điện từ trạm biến áp phân phối đến các đối tượng tiêu thụ.

*** Chiếu sáng:**

- Xây dựng mới đường dây chiếu sáng trên các trục đường chính của xã nguồn điện lấy từ các trạm biến áp, sử dụng hệ thống đường dây cáp điện cũ trên cơ sở nâng cấp chất lượng tiến tới cáp bọc hóa đường dây. Kéo dài hệ thống đường dây cho khu dân cư mới.

(Chi tiết bản đồ quy hoạch cấp điện chiếu sáng và viễn thông thụ động)

c) Cấp nước: Dự kiến nhu cầu sử dụng nước khoảng 1.170m³/ngày

- Nguồn cấp nước sinh hoạt: Lấy từ Theo quy hoạch vùng, từ nhà máy nước Rau Má, xã Yên Phong.

- Mạng lưới đường ống cấp nước được thiết kế mạng vòng kết hợp nhánh cụt.

- Tiết diện đường ống chính: D160

- Tiết diện đường ống phân phối: D110

- Nguồn nước ngầm và nước mặt nước sông được sử dụng cung cấp cho sản xuất nông nghiệp.

d) Thoát nước mưa và thoát nước thải.

*** Thoát nước mưa và CBKT.**

- Tôn trọng địa hình tự nhiên, đảm bảo khu vực nghiên cứu quy hoạch không bị ngập úng, sạt lở.

- Kết hợp hài hòa cao độ nền khu dân cư hiện trạng và cao độ nền của khu đất quy hoạch xây dựng mới.

- Khống chế cao độ san nền với khu vực trung tâm xã, các khu vực quy hoạch mới như đất TMDV, TTCN..

+ Cao độ khống chế khu vực cao nhất: + 11,20m.

+ Cao độ khống chế khu vực thấp nhất: + 7,80m.

- Hệ thống thoát nước mưa được thiết kế chạy dọc theo các tuyến giao thông trong khu vực lập quy hoạch và đổ ra kênh, mương sông suối.

- Công thoát nước lựa chọn công tròn BTCT, Tiết diện gồm 02 loại chính:

+ Tiết diện công chính: D1200.

+ Tiết diện công phụ: D600.

- Bố trí các cửa xả ra các kênh mương, hồ hiện hữu tại các đoạn có cao trình thấp.

*** Thoát nước thải.**

- Đối với nước thải sinh hoạt của các khu dân cư thôn (xóm) đã xử lý thô cho phép được tự ngấm, hoặc chảy tràn ra hệ thống kênh, mương sông suối qua hệ thống cống, mương có tấm đan hoặc mương hở để thoát nước chung.

- Đối với nước thải chăn nuôi, và cơ sở sản xuất chế biến bắt buộc xây dựng hệ thống chứa nước thải để xử lý trước khi thải ra môi trường bên ngoài.

- Nhu cầu thoát nước thải lấy bằng 90% lượng nước cấp:

$$Q_{tn} = 90\%Q_{cn} = 90\% \times 1.170 = 1.053\text{m}^3/\text{ngđ}$$

- Công thoát nước lựa chọn công tròn BTCT, Tiết diện gồm 02 loại chính:
- + Tiết diện công chính: D400

Tại các cửa xả bố trí các bể lắng xử lý trước khi thải ra môi trường.

(Chi tiết bản đồ quy hoạch định hướng cấp - thoát nước)

e) Quản lý chất thải rắn và quy hoạch nghĩa trang.

- Về chất thải rắn: Không quy hoạch khu xử lý rác thải tại xã, bố trí 01 điểm tập kết rác trong khu vực nghiên cứu tại Thôn 5 có quy mô 0,7ha. Đạt khoảng cách an toàn tới các khu dân cư, khu sản xuất điểm tập kết rác thải được trồng cây xanh cách ly dày 10m bao quanh.

- Về quản lý nghĩa trang:

- + Giai đoạn ngắn hạn: Tiếp tục cho chôn cất các điểm nghĩa trang hiện có;
- + Giai đoạn dài hạn, sau năm 2025: Nên vẫn giữ lại một số nghĩa trang lớn, tập trung để thuận tiện cho người dân, đảm bảo bán kính phục vụ.

(Chi tiết bản đồ tổ chức không gian kiến trúc cảnh quan)

f) Quy hoạch hạ tầng viễn thông thụ động.

- Nguồn cấp: Lấy từ nguồn cấp viễn thông từ Đô thị Kiểu theo Đường Quốc lộ 47B .

- Mạng lưới cáp viễn thông chính: Bố trí dọc Đường Quốc lộ 47B và đường trục xã đến các trạm viễn thông phân phối.

(Chi tiết bản đồ quy hoạch cấp điện chiếu sáng và viễn thông thụ động)

8. Danh mục các dự án ưu tiên đầu tư:

a) Giai đoạn 2020-2025: Đầu tư các công trình mang tính tạo lực phát triển bao gồm.

- Nhà ở, trường học: Xây dựng một phần các khu ở mới (khoảng 10ha) đáp ứng cho người dân khu vực và tạo nguồn thu ngân sách. Mở rộng và cải tạo các cơ sở giáo dục theo quy hoạch.

- Khu vực tiểu thủ công nghiệp, làng nghề thủ công mỹ nghệ;
- Đầu tư hoàn chỉnh hệ thống hạ tầng kỹ thuật: chuẩn bị kỹ thuật, giao thông, cấp thoát nước, cấp điện, thoát nước thải và vệ sinh môi trường;
- Xây dựng mới và cải tạo mở rộng NVH-KTT các thôn theo quy hoạch.
- Xây dựng trụ sở Công an - Ban Chỉ huy Quân sự.
- Khoanh vùng, tổ chức sản xuất một phần các khu nông nghiệp tập trung.
- Từng bước cải tạo chỉnh trang các khu dân cư hiện hữu.

b) Giai đoạn 2025-2030.

Đầu tư các khu ở còn lại, hoàn chỉnh hạ tầng kỹ thuật đô thị, xây dựng các công trình hạ tầng xã hội.

- Hoàn thiện các khu ở còn lại

- Xây dựng các khu công viên thể thao và các công trình cảnh quan;
- Hoàn thiện khu vực làng nghề thủ công mỹ nghệ;
- Phát triển các khu sản xuất tập trung hết quy mô theo quy hoạch.
- Hoàn thiện hệ thống hạ tầng từng thôn xóm, cứng hóa toàn bộ giao thông, kiên cố các công trình thủy lợi.

(Có thuyết minh chi tiết kèm theo)

Điều 2. Tổ chức thực hiện:

1. Sau khi đồ án quy hoạch chung xây dựng xã Yên Thịnh, huyện Yên Định đến năm 2030 được phê duyệt UBND xã Yên Thịnh có trách nhiệm:

- Phối hợp với Phòng Kinh tế và Hạ tầng hoàn chỉnh hồ sơ, đóng dấu, lưu trữ theo quy định và tổ chức công bố, công khai rộng rãi nội dung quy hoạch chung xây dựng xã Yên Thịnh, huyện Yên Định đến năm 2030; trong thời gian 30 ngày kể từ ngày quy hoạch được duyệt, để các cơ quan, tổ chức, đơn vị, nhân dân biết, kiểm tra giám sát và thực hiện.

- Phối hợp với các phòng, ban, ngành và các cơ quan có liên quan tổ chức, triển khai thực hiện đúng quy hoạch được duyệt và các quy định hiện hành.

- Tổ chức đưa mốc giới quy hoạch ra ngoài thực địa (cắm mốc, định vị khu vực trung tâm xã, tìm tuyến, lộ giới các trục giao thông chính, các khu vực bảo vệ...) quản lý theo quy định.

- Lập chương trình, dự án ưu tiên đầu tư hàng năm và dài hạn, xác định các biện pháp thực hiện quy hoạch xây dựng trên cơ sở huy động mọi nguồn vốn đầu tư, nguồn khai thác quỹ đất bằng cơ chế chính sách theo quy định hiện hành nhà nước.

2. Phòng Kinh tế và Hạ tầng và các đơn vị có liên quan theo chức năng nhiệm vụ của mình có trách nhiệm hướng dẫn, quản lý thực hiện theo quy hoạch và các quy định hiện hành của pháp luật.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng HĐND và UBND huyện; Trưởng các phòng: Kinh tế và Hạ tầng, Tài nguyên và Môi trường, Tài chính - Kế hoạch, Nông nghiệp và PTNT; Chủ tịch UBND xã Yên Thịnh và Thủ trưởng các ban, ngành, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 2 QĐ;
- Lưu: VT, KTHT.

**KT.CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Nguyễn Văn Bình

